

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Ngọc Nga
2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST-HN ngày 15 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HN ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HN ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Th**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp PH, xã PM, huyện TP, tỉnh TT (có mặt).

2.Bị đơn: Anh **Lê Minh Ch**, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp TT, xã THĐ, huyện TP1, tỉnh TG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1996, chị và anh Ch được sự chấp thuận của hai bên gia đình anh chị tổ chức lễ cưới đến năm 2002 có đăng ký kết hôn được

Ủy ban nhân dân xã THĐ, huyện TP1, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 16-12-2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì vợ chồng có mâu thuẫn nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh Ch không quan tâm lo lắng cho vợ con, anh làm kinh tế riêng không cùng chung lo cho gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Minh Ch.

Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có hai con chung Lê Trí Nh, sinh ngày 19-02-1998 và Lê Trí D, sinh ngày 27-01-2006. Hiện nay, con chung Trí Nh đã thành niên chị không yêu cầu giải quyết. Con chung Trí D đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Trí D, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***Bị đơn Lê Minh Ch:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh Ch nhưng anh Ch vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Th tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Lê Minh Ch, địa chỉ: ấp TT, xã THĐ, huyện TP1, tỉnh TG nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Minh Ch được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Lê Minh Ch sống chung năm 1996, đến năm 2002 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã THĐ, huyện TP1, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Ch là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa anh chị sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Th là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh Ch không quan tâm chăm lo cho gia đình, anh Ch làm kinh tế riêng tiêu xài riêng, chị tự lo cho các con. Anh chị ly thân từ năm 2018 đến nay, thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau cũng như không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng anh Ch không đến tham dự cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Th, nay chị Th xin ly hôn do không còn tình cảm với anh Ch, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Th.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có hai con chung Lê Trí Nh và Lê Trí D. Hiện nay con chung Trí Nh đã thành niên, riêng con chung Trí D đang sống cùng chị Th, chị có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu D đang sống ổn định cùng chị Th. Chị Th có chỗ ở ổn định và có điều kiện để nuôi dưỡng con chung, cháu D có nguyện vọng sống cùng chị Th, nên cần thiết tiếp tục giao con chung Lê Trí D cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao con chung Lê Trí D cho chị Th trực tiếp nuôi

dưỡng. Anh Ch được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Lê Minh Ch.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Trí D, sinh ngày 27-01-2006 cho chị Phạm Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Minh Ch được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Minh Ch chưa phải đóng góp nuôi con chung do chị Phạm Thị Th chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20948 ngày 09-3-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Th đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã THĐ, huyện TP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền